**GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 12/TK-THAHC**

**Kết quả thi hành bản án, quyết định về vụ án hành chính**

1. **Nội dung**

Chỉ tiêu kết quả thi hành án hành chính phản ánh kết quả công việc của cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quản lý hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức đó trong việc thi hành các bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đã có hiệu lực pháp luật phải thi hành.

1. **Giải thích từ ngữ**

Bản án, quyết định về vụ án hành chính mà cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước phải tổ chức thi hành án (có nội dung phải thi hành) là những bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đã có hiệu lực pháp luật có nội dung tuyên chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện và các quyết định khác của Tòa án về vụ án hành chính như: Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án trong vụ án hành chính, Quyết định buộc sửa đổi, bổ sung danh sách cử tri, Quyết định của Tòa án tuyên hủy quyết định kỷ luật buộc thôi việc, Quyết định tuyên hủy toàn bộ hoặc một phần quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh.

Bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính mà cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước không có trách nhiệm phải tổ chức thi hành án (không có nội dung phải thi hành) là những bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đã có hiệu lực pháp luật có nội dung tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện; các quyết định khác của Tòa án về vụ án hành chính như: Quyết định buộc thi hành án và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mà người phải thi hành án là cá nhân, tổ chức không phải là cơ quan hành chính nhà nước.

Bản án, quyết định về vụ án hành chính đã thi hành xong là những bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đã có hiệu lực pháp luật có nội dung tuyên chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án trong vụ án hành chính, Quyết định buộc sửa đổi, bổ sung danh sách cử tri, Quyết định của Tòa án tuyên hủy quyết định kỷ luật buộc thôi việc, Quyết định tuyên hủy toàn bộ hoặc một phần quyết định hành chính, Quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh đã được cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước thực hiện xong nhiệm vụ, công vụ theo đúng nội dung bản án, quyết định của Tòa án.

**3. Đơn vị tính**

Đơn vị tính trong biểu mẫu được tính bằng “Bản án, quyết định”.

**4. Nguồn số liệu**

Số liệu trong biểu mẫu được lấy từ sổ tiếp nhận bản án, quyết định về vụ án hành chính do Tòa án chuyển giao của cơ quan thi hành án dân sự, hồ sơ theo dõi thi hành án hành chính, báo cáo kết quả thi hành án hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước và các nguồn khác có liên quan.

**5. Phương pháp tính toán trong biểu mẫu và cách ghi biểu**

**5.1. Cách ghi phần chung**

Các cột thông tin trong biểu mẫu phải được điền đầy đủ, cụ thể, không được để trống, phải có chữ ký của người lập biểu và ký xác nhận của Thủ trưởng đơn vị.

**5.2. Cách ghi phần số**

Đối với các chỉ tiêu không phát sinh ghi số không “0”. Tuyệt đối không sử dụng các ký tự để đánh dấu.

Chi cục Thi hành án dân sự lập báo cáo của Chi cục, Cục Thi hành án dân sự lập báo cáo của Cục Thi hành án dân sự và tổng hợp số liệu thống kê của toàn tỉnh từ số liệu thống kê của Cục Thi hành án dân sự và các Chi cục trực thuộc. Tổng cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu thống kê từ báo cáo của Cục Thi hành án dân sự.

 - Cột (1) số bản án, quyết định về vụ án hành chính đã có hiệu lực pháp luật phải thi hành bao gồm: Bản án, quyết định tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện; Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án trong vụ án hành chính, Quyết định buộc sửa đổi, bổ sung danh sách cử tri, Quyết định của Tòa án tuyên hủy quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định tuyên hủy toàn bộ hoặc một phần quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh. Cột (1) = Cột (2) + Cột (5) = Cột (8) + Cột (13) + Cột (18).

 + Cột (2) số bản án, quyết định về vụ án hành chính đã có hiệu lực cơ quan hành chính nhà nước phải thi hành từ số cũ chuyển sang bao gồm: Bản án, quyết định chưa có quyết định buộc thi hành án của Tòa án và bản án, quyết định đã có quyết định buộc thi hành án. Cột (2) = Cột (3) + Cột (4).

 + Cột (5) số bản án, quyết định về vụ án hành chính đã có hiệu lực cơ quan hành chính nhà nước phải thi hành tiếp nhận mới bao gồm: Bản án, quyết định chưa có quyết định buộc thi hành án của Tòa án và bản án, quyết định đã có quyết định buộc thi hành án. Cột (5) = Cột (6) + Cột (7).

 + Cột (8) số bản án, quyết định về vụ án hành chính đã có hiệu lực pháp luật đã được thi hành xong (Bao gồm cả bản án có quyết định buộc thi hành án và chưa có quyết định buộc thi hành án; cả số từ năm trước chuyển sang và số tiếp nhận mới). Cột (8) = Cột (9) + Cột (10) + Cột (11) + Cột (12).

 + Cột (13) số bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đã có hiệu lực pháp luật chưa thi hành xong (Bao gồm cả bản án có quyết định buộc thi hành án và chưa có quyết định buộc thi hành án; cả số từ năm trước chuyển sang và số tiếp nhận mới). Cột (13) = Cột (14) + Cột (15) + Cột (16) + Cột (17).

 + Cột (19) tỷ lệ thi hành xong là kết quả % cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước thực hiện xong nhiệm vụ, công vụ trong số các bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đã có hiệu lực pháp luật.

 Công thức tính:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tỷ lệ thi hành xong (%) | = | Số bản án, quyết định đã thi hành xong | x 100 |
| Tổng số bản án, quyết định về vụ án hành chính phải thi hành – Số bản án, quyết định bị hủy, hoãn, tạm đình chỉ thi hành án theo quy định của pháp luật |